Tập 5 — Kinh Đại Khống

Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Hôm sau, ngồi thiền từ dưới một cội cây, đứng dậy, đức Phật lặng lẽ rời trú xứ của mình sang tịnh xá Sākya Kāla- Khemaka, thấy chư tỳ-khưu lác đác ngồi thiền hoặc kinh hành nơi một số mái che, nơi một vài gốc cây; còn đa phần đi đâu vắng cả, nhưng tại giảng đường thì được sắp đặt hằng trăm tọa cụ rất ngay hàng thẳng lối. Đức Phật mỉm cười trong tâm rồi lại bộ hành sang tịnh xá Sākya Ghaṭāya, cũng thưa thớt người, lại thấy tôn giả Ānanda đang cặm cụi vá y nơi một góc giảng đường. Ngồi trên bảo tọa đã được soạn sẵn, đức Phật hỏi: - Mọi người đi đâu vắng cả, Ānanda? - Đa phần chư vị tìm một cội cây, một góc rừng vắng, một triền núi, một bờ suối, một hang cốc tịch liêu nào đó xung quanh các khu rừng lân cận để tu tập định thiền hay tuệ thiền, bạch đức Thế Tôn! - Vậy là tốt! Vậy là đúng! Thế còn những tọa cụ được sắp đặt sẵn sàng đâu ra đó tại tịnh xá Sākya Kāla-Khemaka là tại làm sao vậy? - Thưa, cũng tương tợ vậy! Đa phần họ đi tìm chỗ thích hợp để tu tập đề mục tâm từ mà đức Thế Tôn vừa giảng dạy, (1) Mahā suññata - sutta.

vừa khuyến khích ngày hôm qua! Còn tọa cụ được chư tỳkhưu sắp đặt sẵn là để chuẩn bị nghe pháp khi nào đức Thế Tôn tùy nghi ghé sang lúc có thì giờ phải lẽ. - Ừ! Vậy là đáng khen! Rồi tiện thể đức Phật nói tiếp: - Tại sao Như Lai bảo vậy là tốt, là đúng, là đáng khen, này Ānanda? Vì có hai hạng tỳ-khưu: Một hạng tỳ-khưu làm cho sáng chói khu rừng giáo pháp, một hạng tỳ-khưu thì làm cho tối tăm khu rừng giáo pháp. Thế nào là hạng tỳ-khưu làm cho tối tăm khu rừng giáo pháp? Ấy là những vị tỳ-khưu ưa đám đông, ưa hội chúng, quen với bầy đàn, thích tán gẫu, thích ngồi lê đôi mách, thích ồn ào đấu láo chuyện trên trời dưới đất, rỗng không, phù phiếm. Hạng tỳ-khưu ấy không thể nào rời xa chỗ đông người, không thể sống một mình ở nơi xa vắng. Với họ thì có thể nào đắc thiền, đắc định tùy theo ý muốn, không khó khăn, không mệt nhọc? Họ có thể nào an lạc trong sự an lạc của bậc ẩn sĩ? Họ có thể nào an lạc trong vô dục? An lạc trong hạnh khước từ? An lạc trong cô đơn, quạnh vắng? An lạc tĩnh giác? An lạc vô sản, bần hàn? An lạc không sanh tử? Đối với những an lạc thù thắng ấy, sự kiện như vậy có thể xảy ra không đối với hạng tỳ-khưu kia, này Ānanda? - Thưa, không thể! Đúng là họ sẽ làm cho tối tăm khu rừng giáo pháp! - Nhưng này Ānanda! Ngược lại, tỳ-khưu nào thích sống một mình, xa lánh đám đông, không ưa tụ hội thì vị ấy có hy vọng đắc thiền, đắc định dễ dàng tùy theo ý muốn không, này Ānanda? - Thưa, có thể! - Và họ có khả năng thành tựu những an lạc thù thắng của bậc ẩn sĩ không, này Ānanda? - Thưa, có thể!

- Và đấy là hạng tỳ-khưu làm cho sáng chói khu rừng giáo pháp, này Ānanda! - Thưa vâng! - Còn nữa, này Ānanda! Hạng tỳ-khưu làm sáng chói khu rừng ấy có thể chứng đắc và an trú với tâm giải thoát từng phần khá thoải mái hoặc giải thoát không có hạn kỳ và bất động; sự kiện ấy có thể xảy ra được không? - Thưa, có thể! - Còn hạng tỳ-khưu

làm cho tối tăm giáo pháp thì có thể thành tựu được như vậy không? - Thưa, không thể! - Tại sao? - Bởi vì những cái mê đắm, vui thú, thích khoái phù phiếm của họ! Đức Phật gật đầu: - Phải rồi! Như Lai chưa từng thấy bất cứ một pháp nào, một trạng thái nào có vui thú, có mê đắm, có thích khoái, hoan lạc... thường chịu sự biến đổi, thay đổi, chuyển dịch, đổi khác mà lại không đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não, này Ānanda! - Thưa vâng! Thưa, đúng là như vậy! - Sự an trú bất tử, giải thoát toàn diện và toàn vẹn đã được Như Lai giác ngộ là nhờ vào đâu, Ānanda biết không? - Xin đức Thế Tôn chỉ giáo? - Là nhờ Như Lai đã "an trú nội không"(1) với tất cả tướng. Nói cách khác, khi an trú nội không thì tâm không dính mắc bất kỳ một tướng nào, một sắc pháp nào, một trạng

(1) Kinh đại không - Trường A-hàm (Tuệ sỹ dịch), có chỗ tương tự: "Này A- nan, Tỳ-kheo nào muốn hằng an trụ trong không tánh, Tỳ-kheo ấy sẽ giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định. Vị ấy sau khi giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định rồi, hãy suy niệm về nội không".

thái tâm lý nào! Nói một cách khác nữa, cái gì phát sanh vui thú, đam mê, thích khoái, hoan lạc phải quán chiếu như thật tướng vô thường, vô ngã của chúng, này Ānanda! - Thưa vâng! - Còn nữa, khi Như Lai an trú "nội không" như vậy, nếu có tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận sự nam, cận sự nữ, quốc vương, đại thần, các gia chủ, ngoại đạo... đến yết kiến, hỏi đạo, vấn đạo, thì tâm Như Lai vẫn rỗng không, không dính mắc để tiếp chuyện với họ, đối thoại với họ hầu hướng dẫn, khích lệ họ tu tập. Do vậy, này Ānanda! Có vị tỳ-khưu nào sau khi nghe Như Lai thuyết giảng như thế, bèn khởi lên ý nghĩ: " Nếu nội không là không tất cả tướng, là không tất cả sắc pháp, là không tất cả trạng thái, thì ta phải an trú tâm như vậy". Và nếu muốn an trú "nội không" như vậy thì đầu tiên vị tỳ-khưu ấy phải làm sao, này Ānanda? - Thật không dễ dàng gì cho một vị tỳ-khưu còn nhiều kiết sử, tham sân, phiền não mà có thể tức khắc đi vào an trú "nội không" được, bạch đức Thế Tôn! - Vậy thì họ phải làm sao? - Đầu tiên là họ phải viễn ly hội chúng, xa lìa đám đông đầy nhiệt não, lựa tìm một cội cây, một ngôi nhà trống, khởi tâm chuyên nhất để đi vào các định an chỉ, bạch đức Thế Tôn! Nói cách khác, chi tiết hơn, họ phải ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ(1). Vị tỳ-khưu đối với thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm nhuần một cách sung mãn; hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn. Cũng như một người tắm gội, đựng đầy bột tắm rồi đổ nước vào khuấy rất đều cho nổi bọt lên, thấm ướt thấm nhuần khắp tất cả, sung mãn, trong ngoài kín đáo

(1) Có tư duy, có quan sát.

không có chỗ nào rỉ ra. Rồi nhị thiền, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ. Rồi tam thiền, ly hỷ, trú lạc. Rồi tứ thiền, chỉ còn xả và nhất tâm. Đến đây nội tâm mới lắng dịu tất thảy kiết sử phiền não, được hoàn toàn thanh tĩnh; và cũng từ đây, từ căn cứ địa này, vì tỳ-khưu mới có thể bước qua quán chiếu "nội không", bạch

đức Thế Tôn! - Nghĩa là sao, này Ānanda? - Thưa, nghĩa là cho dù vị ấy có đạt hỷ, đạt lạc, đạt xả, đạt thuần tĩnh nhất tâm, vị ấy cũng phải "tác ý không" với tất cả chúng; có nghĩa là vị ấy đừng hân hoan, đừng thích thú, đừng đắm chìm vào các trạng thái hỷ, lạc, xả và thanh tịnh ấy; và cũng đừng chấp trước cả "nội không" ấy; chỉ cần ý thức rõ ràng, thấy biết rõ ràng, ghi nhận chúng đúng như thực tướng! - Thực tướng ấy có nghĩa là sao, này Ānanda! - Thưa, thực tướng ấy là vô thường vô ngã; vì vô thường vô ngã nên không; đấy là "sự thật tánh không" của tất cả pháp! Đức Phật mỉm cười: - Ông đã nắm bắt được cái tinh yếu, cái cốt lõi của vấn đề. Thế còn "ngoại không"? Ông có thể tư duy liên hệ giáo pháp để nói về "ngoại không" được chăng, này Ānanda? - Nếu "nội không" là quán chiếu như thực tướng các pháp đối tượng của ý thức, thì "ngoại không" là quán chiếu như thực tướng sắc, thanh, hương, vị và xúc là đối tượng của mắt, tai, mũi, lưỡi và thân! Và nếu thế thì khi mắt nhìn thấy gì, tai nghe âm thanh gì, mũi ngửi gì, lưỡi nếm gì, thân xúc chạm gì phải ghi nhận cho rõ ràng, phải thấy biết như thực tướng cái "tánh không" của chúng, tương tự như "nội không" vậy, bạch đức Thế Tôn! Đức Phật lại mỉm cười: - Khi ngồi định bất động thì quán nội không, khi giao tiếp lăng xăng với ngũ trần thì quán ngoại không; thế có 20 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

trường hợp nào quán "nội, ngoại không" chăng, này Ānanda? - Thường thường, luôn luôn; vì trong ngoài duyên khởi, tâm cảnh duyên khởi; vì duyên khởi nên "không", bạch đức Thế Tôn! - Đúng vậy, này Ānanda! Một vị tỳ-khưu khi đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, suy nghĩ... phải thường trực quán chiếu, "an trú nội, ngoại không" thì những tham, những ưu, những bất thiện pháp, những phiền não sẽ không chảy lọt vào tâm được. - Đệ tử hiểu! Khi đi, đứng, ngồi, nằm nếu quán chiếu nội, ngoại không thì dễ thực hiện, nhưng "nói năng, suy nghĩ" thì nó lại khác. Tại sao vậy? Ví dụ, khi "nói năng" thường phải sử dụng ngôn ngữ khái niệm, mệnh đề, cú pháp đều phải có tư duy lập trình; đôi khi phải sử dụng dụ ngôn, ẩn ngôn, đoản ngôn, ví dụ, lập luận, hình ảnh... rất là phức tạp, khó quán chiếu "nội, ngoại không" được. Vậy thì có cách nào, hàng rào nào để ngăn giữ bớt những nói năng không cần thiết, dễ rơi vào mịt mù khái niệm, rỗng không khái niệm, phù phiếm khái niệm chăng, bạch đức Đạo Sư! - Có chứ, này Ānanda! Phải có hàng rào ngăn giữ, phải biết tự giới hạn là nên nói cái gì và không nên nói cái gì! Vậy khi muốn nói gì đó, ta phải lập tâm trước, như sau: Ta sẽ không nói những câu chuyện hạ liệt, đê tiện, thuộc phàm phu, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly dục, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn! Đại loại đấy những câu chuyện vô ích, tầm phào, những câu chuyện không phải của sa-môn: Như câu chuyện nói về hoàng cung, vua chúa; câu chuyện về ăn trộm, cướp giật; câu chuyện về đại thần, quan lại; câu chuyện về binh lính, vũ khí; câu chuyện về khủng bố, bạo loạn hãi hùng; câu chuyện về động binh, chiến tranh; câu chuyện về thức ăn, vật uống; câu chuyện về xiêm áo, vải Minh Đức Triều Tâm Ảnh 21

vóc; câu chuyện về giường nằm, ghế ngồi; câu chuyện về chuỗi hoa, tràng hoa; câu chuyện về hương liệu, phấn son; câu chuyện về bà con, quyến thuộc; câu chuyện về xe ngựa, xe bò; câu chuyện về xóm làng, thôn bản; câu chuyện về thị tứ, đô thành; câu chuyện về biên cương, quốc độ; câu chuyện về đàn bà, đàn ông; câu chuyện về anh hùng, liệt sĩ; câu chuyện bên lề đường, quán chợ; câu chuyện tại chỗ lấy nước, bến tắm;

câu chuyện về kẻ chết, người sống; câu chuyện về tạp thoại, huyền thoại; câu chuyện về biến trạng, thay đổi của thế giới, đại dương; câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu...(1) Nhưng này Ānanda! Đối với những ai cần nói những lời nhằm mở tâm, mở trí; giúp họ tu tập, nhứt hướng yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn... thì nên nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về độc cư, nói về viễn ly đám đông, xa lìa các hội chúng bận rộn; nói về tinh cần, nói về giới luật, nói về thiền định, nói về thiền quán, nói về trí tuệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến(2). Vị tỳ-khưu tầm cầu tinh tấn tu học, muốn quán chiếu "nội, ngoại không", phải suy nghĩ để nói những vấn đề như trên; và vị ấy ý thức rõ ràng, thấy biết rõ ràng như vậy. Thật là quá nhiều điều, nhiều câu chuyện để nói như vậy đó, này Ānanda! - Vậy còn suy nghĩ, bạch đức Đạo Sư?

(1) (tương tự) ... Như quốc vương luận, đạo tặc luận, đại thần luận, quân luận, bố úy luận, chiến tranh luận, thực vật luận, ẩm liệu luận, y phục luận, ngọa cụ luận, hoan mang luận, hương liệu luận, thân thích luận, xa thừa luận, thôn luận, thị trấn luận, đô thị luận, quốc độ luận, nữ luận, anh hùng luận, hạng trung luận, thủy bình xứ luận, tiên linh luận, sai biệt luận, thế giới luận, hải thuyết luận, hữu vô hữu luận" (kinh sa-môn quả - Trường bộ kinh I). (2) ...Thiểu dục luận, tri túc luận, độc cư luận, bất chúng hội luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận (Kinh sa-môn quả - Trường bộ kinh I).

22 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

- Suy nghĩ hay tầm tư duy(1) cũng phải biết giới hạn. Đối với những suy nghĩ hạ liệt, đê hèn, tầm thường, thấp thỏi... thuộc phàm phu, thuộc thế tình tục lụy thì nên tránh. Cụ thể hơn, những suy nghĩ nào liên hệ đến tham, đến dục, đến ái được gọi chung là "dục tầm"(2) thì không nên! Những suy nghĩ nào dễ phát sanh nóng nảy, bực tức, khó chịu, ganh ghét được gọi chung là "sân tầm"(3) thì không nên. Những suy nghĩ nào liên hệ họa hại, bức hại, não hại, hiềm hại, hận hại được gọi chung là "hại tầm"(4) thì không nên. Vị tỳ-khưu cần phải ý thức rõ ràng, thấy biết rõ ràng và chân thực như vậy. Nhưng mà này Ānanda! Ngược lại, có những suy nghĩ, tầm cầu thuộc bậc Thánh, có khả năng hướng thượng, có khuynh hướng cầu tiến, có năng lực dẫn dắt vị tỳ-khưu trên lộ trình đến nơi chấm dứt khổ, đoạn trừ khổ, tận diệt khổ ấy là "ly dục tầm, vô sân tầm, bất hại tầm" thì nên khởi tâm, nên thực hành cho nghiêm túc, cẩn mật, chu đáo. Vị tỳ-khưu cần phải ý thức rõ ràng, thấy biết rõ ràng và chân thực như vậy. Tuy nhiên, này Ānanda! Muốn cho "ly dục tầm, vô sân tầm, bất hại tầm" được dễ dàng, được mau có kết quả, mau có hiệu năng thì vị tỳ-khưu cần phải theo dõi, quán sát những chỗ duyên khởi phát sanh khi mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm...Tại sao lại như vậy? Vì rằng đấy là nơi duyên khởi phát sanh những cái ta yêu mến, thích thú; nói cách khác, các đối (1) Vitakka: Nghĩa theo thiền chi là tìm kiếm đối tượng; nghĩa thường là suy nghĩ, tư duy... (2) Kāmavitakka: Suy nghĩ, tìm kiếm đối tượng ngũ trần (dục vật chất), hưởng dục lạc, phát sanh phiền não dục (Dục tầm). (3) Byāpādavitakka: Suy nghĩ, tìm kiếm hướng đến bất mãn, bực bội, phẫn nộ (Sân tầm). (4) Vihiṃsavitakka: Suy nghĩ, tìm kiếm mưu kế ác độc để xâm phạm, họa hại, bức hại

người khác hay chúng sanh khác (Hại tầm).

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 23

tượng ấy là khả ái, khả hỷ, khả lạc, lôi cuốn, hấp dẫn, liên hệ đến ái, đến tham, đến dục...dễ làm cho ta mê luyến, đắm say. Và nếu vậy, vị tỳ-khưu đã không ly dục, viễn ly dục được mà lại càng làm cho các dục tăng bội, trưởng dưỡng, tác quái, lộng hành thêm mà thôi! Vậy thì đến chỗ này, muốn làm cho năm dục ấy không được trưởng dưỡng, chẳng thể lớn mạnh thêm, thì khi tâm ta khởi lên cái gì, từ căn trần nào, ví dụ mắt và sắc, tai và âm thanh, thì vị tỳ-khưu cần phải quán sát, minh sát, tuệ tri như thực rằng: "À, lúc này, hỷ tham, ái tham, dục tham đang có mặt, đang hiện tồn; đang vận hành, đang diễn tiến; lúc này, hỷ tham, ái tham, dục tham đã vắng lặng, đã diệt mất!" Cả sanh khởi, lụi tàn của "tâm hành"(1) đều phải được tuệ tri như thực như thế! Còn nữa, này Ānanda! Nói đầy đủ thì cả năm thủ uẩn, nghĩa là cả sắc, cả thọ, cả tưởng, cả hành, cả thức đều phải được tuệ tri như thế. Nói cách khác, phải tuệ tri sắc tập khởi, sắc đoạn diệt, thọ tập khởi, thọ đoạn diệt, tưởng tập khởi, tưởng đoạn diệt, hành tập khởi, hành đoạn diệt, thức tập khởi, thức đoạn diệt. Chúng sanh diệt tương tục, liên tục như những làn sóng trên mặt biển; thay đổi, chuyển đổi, dịch hóa liên tục từng sát-na, từng sát-na một, từng tiểu sát-na một. Nhờ vậy, vị tỳ-khưu thấy rõ vô thường, vô ngã của tất thảy chúng, chẳng có một thực thể, một thực tính nào là tồn tại, là thực hữu! Lúc tùy quán sanh diệt như thế thì những ảo tưởng về một bản ngã, về một tiểu ngã, chân ngã, đại ngã nào đó chợt như những bong bóng nước, hiện rồi tan, tan rồi hiện như ảo hóa, như huyễn hóa, như mộng hóa trong tuệ nhãn như thực, chân thực của bậc Thánh. Đến chỗ này, khi ngã không tồn tại thì ngã mạn cũng tiêu vong; vô minh diệt,

(1) Các trạng thái tâm lý, nói kinh điển hơn thì nó là hành (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) - gồm 50 tâm sở.

24 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

minh hiện, sáng rỡ, châu toàn, vi diệu, tối thượng, thù thắng, siêu thế; vượt ngoài tầm kiểm soát của ác ma, ngoài lưỡi hái chụp bắt của tử thần: Vô sanh, bất diệt! Đức Phật yên lặng một chút rồi kết luận: "- Vậy này Ānanda! Sáu căn, sáu trần và sáu thức tương giao, xúc đối trở thành mười tám xứ; chúng duyên khởi mà tạo nên thế gian nội giới và thế gian ngoại giới; chúng phát sanh ảo tưởng về ngã, ảo tưởng có một chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức. Với sự quán chiếu của tuệ không, tức là nội, ngoại không, chúng duyên khởi liên tục, sanh diệt liên tục như một trò chơi ảo thuật, biến hóa vô cùng nhưng chẳng có cái nào là thực hữu. Tất thảy đều là không tánh! Tại chỗ này, ngay tại chỗ này mà nói có, nói không, nói vừa có, vừa không, nói không có, không không, nói thường nói đoạn, nói tăng, nói giảm, nói hữu biên, nói vô biên, nói nhất, nói dị, nói... gì đi nữa thì cũng đều là hý luận, là hoang vu luận, là phù phiếm luận... ngây thơ, ấu trĩ và si cuồng mà thôi, này Ānanda! Đây chính là cánh cửa mở của chánh trí, giác ngộ và Niết-bàn, này Ānanda!" Tôn giả Ānanda nghe thời pháp chênh vênh, ngợp gió, cao siêu này, ngài rùng mình, hỷ lạc đầy khắp cả người; tuy nhiên, có cái gì đó như

nằm sau màn sương, sự thấy biết mơ hồ về cứu cánh rốt ráo phạm hạnh hiện lên rất mong manh rồi nó tan loãng mất! - Ông có lãnh hội được không, này Ānanda! Lời đức Phật như đánh thức tôn giả, ngài đáp: - Lãnh hội được nhưng chưa thân chứng được, bạch đức Đạo Sư! Đức Phật mỉm cười: - Thế ông có thể tuyên thuyết lại thời pháp "đại không, nội, ngoại không, rốt ráo tánh không" này cho các hội chúng Tăng ni được chứ? Minh Đức Triều Tâm Ảnh 25

- Đúng vậy, bạch đức Đạo Sư! - Vậy là tốt rồi! Vì sứ mạng của ông là nghe cho thật nhiều và thuyết cũng cho thật nhiều mà!

26 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Lửa Địa Ngục Trong Phòng

Đến Koliya, trưởng lão Devadatta, trưởng lão ni Gotamī đến thăm đức vua Suppabuddha nhưng ông không tiếp, còn sai quan nội thị đóng cửa cung điện lại, nhắn gởi rằng: "- Suốt đời này, ta không có em gái, không có đứa con trai, con gái nào cả! Chúng chết cả rồi". Khi tỳ-khưu Rāhula xin được vào thăm ông ngoại, đức vua cũng nhắn gởi tương tự: "- Con ta đã không có thì làm gì có cháu!" Tuy nhiên, đức vua Suppabuddha ngạc nhiên làm sao, tuy đã đóng kín cửa nhưng không biết "họ" đi lối nào mà xuất hiện ngay trong tẩm cung, rồi người xưng em, người xưng con, kẻ xưng cháu... Ngồi dậy trên giường rồng, đức vua lặng lẽ quan sát người được gọi là cô em gái Gotamī, người được gọi là con trai Devadatta, là con gái Yasodharā, là cháu ngoại Rāhula... Họ lạ quá, nhìn không ra, ông chỉ mường tượng, suy đoán thế thôi. Thu giấu tất thảy mọi cảm xúc, ông cất giọng lạnh lùng, hỏi: - Các người đi lối nào mà vào được đây? Devadatta đáp: - Thưa cha, đấy chỉ là một thuật mọn của những sa-môn tu học theo giáo pháp của đức Tôn Sư.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 27

Đức vua gầm lên: - Đứa nào là tôn sư? Tôn sư là ai nào? Là cái mà người ta gọi là Siddhattha Gotama đó hả? Tỳ-khưu Rāhula nhíu mày: - Phỉ báng một vị Chánh Đẳng Giác là tội lớn lắm đấy, thưa ông ngoại! - Nữa! Tụi bây cũng chỉ là một "giuộc" như nhau! Hãy xéo! Hãy xéo đi cho khuất mắt ta! - Thưa cha! Tỳ-khưu-ni Yasodharā điềm đạm nói - Những tham, những sân không thể chi phối tâm tư của chúng con được. Vậy, dù cha có đánh, có mắng, có phỉ báng thì chúng con cũng vẫn lặng lẽ, yên bình và còn rải tâm từ ái đến cho cha nữa. Chỉ sợ nếu cha cứ khư khư cố chấp như vậy thì đau khổ, phiền não sẽ thiêu đốt ruột gan của cha mà thôi! - Ừ, nó đốt, cứ kệ nó đốt! Mặc ta! Trưởng lão Mahā Moggallāna không biết tự đâu đó xuất hiện, ngài sử thần thông hóa hiện nơi góc phòng một cảnh lửa cháy rừng rực; rồi trong cảnh lửa cháy rừng rực ấy: Một thân người bị thiêu đốt, thịt máu mỡ cháy lèo xèo; một thân người bị bọn đầu trâu mặt ngựa thọc, đâm bằng những chĩa hai, chĩa ba đỏ rực; một thân người bị nấu, bị luộc trong chảo dầu sôi như sóng trào; một thân người ôm cột đồng than đỏ leo lên, leo lên rồi bị cháy thành than... Rồi tiếng nói của tôn giả như lồng lộng giữa hư không, như xoáy vào tai của đức vua Suppabuddha: - Nó đốt! Nó đốt thật đấy, thưa đức vua! Nó thiêu cháy đấy, nó thiêu cháy thật đấy, thưa đức vua! Nếu đức vua còn ôm giữ tâm

niệm giận ghét, oán thù thì cảnh giới đến sau khi mạng chung cũng y như vậy đó! Tâm sao cảnh vậy! Hãy tỉnh trí lại, tâu đại vương! Đức vua Suppabuddha chợt cười ha hả:

28 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

- Hí lộng! Thật là hí lộng! Các ngươi chỉ dọa con nít, ha ha! Các ngươi dùng pháp thuật quỷ ma để tạo cảnh giả đó thôi! Ha ha! Sao lòe bịp được ta! Sau đó, tôn giả còn chịu khó tạo cảnh ngạ quỷ, tạo cảnh a-tu-la, tạo cảnh trời Đao Lợi, Đẩu Suất... để cho đức vua thấy rõ khổ là vậy, vui là vậy; tâm niệm tham sân sẽ đưa đến như vậy, tâm niệm an lành, mát mẻ, có đức tin về giáo pháp, biết tu giới, biết tu bố thí sẽ được như kia... Nhưng vô ích, đức vua cười ngặt nghẽo: - Hay đấy! Cái tài biến hóa hư hư thực thực này trông cũng hay đấy! Đúng là màn ảo thuật thú vị đấy! Nói thế xong, ông quát: - Thôi đi đi! Hãy nói với ông Cồ Đàm của các ngươi là ta thù hận nó tới tận xương, tới tận tủy! Hãy xéo đi! Tôn giả Devadatta và tỳ-khưu-ni Yasodharā cũng đã hết lời khuyên giải, năn nỉ nhưng đều không thể lay chuyển được. Tỳ-khưu Rāhula đến gần bên, cầm tay ông ngoại nhưng cũng bị ông hất ra. Ông quát: - Hãy cút hết đi! Biết là không còn cách gì để cảm hóa được nữa, họ lặng lẽ... rồi cùng nhau một lượt... biến mất ngay trước mặt đức vua! Tuy nhiên, dù căm giận "tụi nó" vô cùng nhưng những chuyện lạ vừa xảy ra trước mắt, khi họ biến mất cả rồi, đức vua mới thốt lên: - "Tụi nó" cũng giỏi thiệt!

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 29

Đất Rút

Khi đức Phật với thị giả Nigāta đến thành phố Devadaha, vương quốc Koliya thì rất đông tỳ-khưu tăng ni chờ đón ngài, trong đó có chư vị trưởng lão như Kimbila, Nandiyā..., chư vị tỳ-khưu-ni như Khemā, Uppalavaṇṇā... rải rác từ Mallā, Vesāli hay Veḷuvana sang. Cũng như Kapilavatthu, thành phố Devadaha không có gì thay đổi, vẫn tương tự như Kapilavatthu hiện nay, nhưng hình như các cửa hàng, xe ngựa và người mua kẻ bán ít nhộn nhịp hơn và dân chúng dường như nghèo đi. Có cái gì đó như "xuống cấp" trên các con đường, trên các dãy phố và cả trong mọi sinh hoạt nhất là kinh tế, thương mại và các ngành nghề thủ công khác. Nghe nói rằng, mấy năm sau này, vì buồn phiền chuyện gia đình nên đức vua Sappabuddha tuổi càng lớn càng sinh ra uống rượu. Công việc triều chính, đức vua giao hết cho các quan đại thần, đa phần họ là thành phần thủ cựu, không muốn thay đổi, cải cách nên đất nước ngày càng trì trệ và đói nghèo! Ở đây, một thời thịnh vượng đã xa rồi. Các vị quan trẻ và tướng giỏi như Anudāma và Viruḷhāka thuở cùng tranh tài với thái tử Siddhattha cũng đã bỏ sang nước khác. Thịnh rồi suy, suy rồi thịnh, âu đó cũng là định luật hằng cửu.

30 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Sau mùa mưa nên tiết trời khá khô ráo, mát mẻ, hội chúng một số đến ni viện có sẵn, một số tìm đến các hang động, cội cây trong những khu rừng ngoại ô lân cận. Riêng đức Phật và chư vị trưởng lão thì được sa-di Sīvali mời thỉnh về ngự tại khu vườn cây ăn trái của hoàng thân Mahāli và công nương Suppasāvā, là cha và mẹ của chú. Ở đây có một số cốc liêu tương đối đầy đủ mọi tiện nghi sinh hoạt. Ngày đầu tiên, đức Phật và

chư vị trưởng lão đi trì bình khất thực qua các con đường trong thành phố không có gì xảy ra. Nhưng hôm sau thì phát sanh một sự cố. Chuyện là, gia đình cha mẹ sa-di Sīvali khởi tâm cúng dường lớn đến đức Phật và hội chúng tăng ni. Con đường đi đến biệt phủ của hoàng thân Mahāli và công nương Suppasāvā phải đi qua cổng cung điện; khi đức Phật và hội chúng ôm bát đi ngang đây thì bị đức vua Sappabuddha cho người chận đường. Ông còn đặt một trường kỷ cùng mâm bát, nghênh ngang một mình ngồi "vách mảy" uống rượu. Khi nghe các quan nội thị báo là đức Phật sắp đến thì đức vua mỉm cười, cất giọng có vẻ lịch sự: - Nói với ông Cồ Đàm, là trẫm xin lỗi vì trẫm đang bận uống rượu, không tránh đường được! Tôn giả Ānanda thấy chuyện chướng mắt, đến bên đức vua, ôn tồn nói: - Không nên như thế, đại vương! Hãy tránh đường để đức Phật và hội chúng đi trì bình khất thực. Hãy lịch sự và tế nhị một chút, đại vương! - Lịch sự à? Tế nhị à? Này! Ta bảo cho mà biết! Ta là cha rể của nó. Ta lớn hơn nó! Theo lễ nghi của "lịch sự và tế nhị" ấy, thì nó phải tránh ta hay ta phải tránh nó? Hả? Ông nói đi? - Nhưng đây là đức Phật, tâu đại vương! Tôn giả lại nhỏ giọng - Chận đường đức Chánh Đẳng Giác, tội lớn lắm đấy! Minh Đức Triều Tâm Ảnh 31

Sa-di Rāhula nói lớn: - Tội địa ngục đấy, thật đấy, không phải nói dọa đâu, thưa ông ngoại! Đức vua cười ngạo mạn: - Một ngàn cái địa ngục ấy, ta cũng không sợ. Đứng từ xa nhưng đức Phật biết rõ mọi chuyện, ngài lắc đầu rồi nói với chư vị trưởng lão: - Thôi, đành vậy, ta sẽ đi lối khác. Khi thấy đức Phật bỏ đi, đức vua Sappabuddha bảo với quan nội thị: - Hãy cho người theo dõi xem thử ông Cồ Đàm có nói gì không rồi về báo lại cho ta hay. Quả vậy, khi quay đi, đức Phật dừng chân lại một chút rồi nói: - Biết sao được! Cái quả địa ngục thật đấy! Như Lai cũng không cứu được! Rồi đức Phật nói với Devadatta: - Ông hãy về báo cho đức vua hay! Hãy lo giữ gìn sinh mạng của mình. Đúng ngày thứ bảy, kể từ hôm nay, nghĩa là kể từ sát-na khởi tâm niệm ngăn chặn Như Lai, đức vua sẽ bị quả đất rút ngay tại chân cầu thang trong tòa lầu bảy tầng ở cung điện. Và nếu tâm niệm kia được thay đổi, có sám hối, có ăn năn thì tội báo sẽ nhẹ đi! Nhưng vô ích. Một người báo lại. Hai người báo lại. Viên quan nội thì kể lại tận tường hơn, nhưng đức vua cười ha hả: - Ta chết như thế sao? Bảy ngày sao? Bị quả đất rút sao? Chuyện tào lao không! Lúc này các vị lão thần hay chuyện cũng đến gần bên khuyên can đức vua, sau đó, có một vị tâu: - Xin đại vương hãy cẩn trọng! Từ nhỏ đến lớn, cho đến sau này, khi thành Phật rồi, ông sa-môn Cồ Đàm không bao

giờ nói dối. Ông ta đã nói cái gì thì sự việc xảy ra đúng y như thế. Đức vua vẫn "chấp mê bất ngộ", cười gằn: - Đúng thế! Sa-môn Cồ Đàm chưa hề nói dối! Nhưng cái chuyện tiên tri bảy ngày ta chết tại chân cầu thang, ta sẽ làm cho ông ta trở thành kẻ nói dối ngay tức khắc! Nói thế xong, trở lại cung điện, đức vua sai nội thị mang thức ăn vật uống, cả rượu, cả đầu bếp, cả những tiện nghi nhu dụng lên tầng lầu thứ bảy. Ông dự định sẽ đóng đô tại đây suốt bảy ngày. Ông còn cẩn thận bố trí hai lực sĩ canh gác tại mỗi cửa tầng lầu với lời dặn dò nghiêm khắc: - Nếu thấy trẫm bước xuống các tầng lầu thì các ngươi tìm cách ngăn cản lại. Không ngăn cản, các ngươi sẽ bị chém đầu. Làm vậy, các ngươi sẽ được trọng thưởng! Đâu đó xong xuôi, ông cười nói oang oang: - Bảy

ngày ta nhất quyết ở đây, không bước xuống bên dưới thì làm sao ta lại chết ở chân cầu thang kia chớ! Phen này cái tội " tiên tri láo" của ông sa-môn Cồ Đàm bị bẽ mặt thật sự rồi! Chuyện đến tai đức Phật, ngài thuyết một thời pháp nói về các loại nghiệp. Đại ý như sau: - Này các thầy tỳ-khưu! Nghiệp (kamma) là hành động, là tạo tác, tức là những việc làm cố ý, có chủ ý dù lành tốt hay xấu ác. Hành động hay tạo tác là nghiệp nhân, và phản ứng của hành động hay tạo tác ấy gọi là nghiệp quả. Nói ngắn gọn là nhân quả nghiệp báo. Chúng sanh ở trong ba cõi sáu đường đều bị chi phối bởi nghiệp do chính mình đã tạo tác. Nghiệp tạo ra muôn loài, sanh ra muôn loài, là chủ tể của muôn loài. Chúng sanh là thừa tự của nghiệp, năng sanh của nghiệp, huyết thống của nghiệp, cháu con của nghiệp! Từ ý nghĩa ấy, nghiệp sanh phạm thiên, chư thiên, ma vương, dạ-xoa, thọ thần, sơn thần, con người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục cùng với Minh Đức Triều Tâm Ảnh 33

nhân thân và cả những hoàn cảnh duyên sanh tương hệ. Biết vậy, bậc trí phải biết lìa xa những nghiệp xấu ác, thực hành những nghiệp lành tốt cho mình. Này các thầy tỳ-khưu! Nghiệp lành tốt phát sanh bởi vô tham, vô sân, vô si; nghiệp xấu ác phát sanh bởi tham lam, sân hận, si mê. Nghiệp lành tốt có mười điều được gọi là thập thiện nghiệp; nghiệp xấu ác cũng có mười điều được gọi là thập ác nghiệp. Thập thiện nghiệp thì được sanh làm người hữu phúc, sang cả hay hóa sanh vào sáu cõi trời dục giới để thọ hưởng thiên lạc. Thập ác nghiệp thì đọa vào bốn con đường đau khổ đấy là a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Còn nếu những ai đắc định hữu sắc hoặc vô sắc thì hóa sanh vào hai mươi cõi trời phạm thiên. Định luật của nghiệp là vậy, không có vị thượng đế, một vị hóa sanh chủ, sáng tạo chủ nào thay đổi được. Thuyết thế xong, đức Phật kết luận: - Trường hợp đức vua Sappabuddha thì Devadatta, Yasodharā, Rāhula và cả Mahā Moggallāna đã tìm cách cảm hóa nhưng thất bại. Rồi Như Lai đã cho người thông báo rồi, nhắc nhở rồi nhưng tâm hận thù, oán kết quá sâu nặng của đức vua sẽ tự làm hại chính mình thôi. Cái nghiệp ngăn trở, cản đường có vẻ ngạo nghễ, thách thức vừa rồi của đức vua lại càng nặng nề hơn, Như Lai không có cách chi để hỗ trợ, cứu giúp được nữa. Theo với thấy biết như thực của Như Lai, đúng ngày thứ bảy, đức vua sẽ bị quả đất rút tại chân cầu thang thứ bảy. Dầu đức vua ngự trên thượng lầu của tòa nhà bảy tầng, dầu đức vua đứng giữa hư không, trên đầu núi, dầu đức vua ngồi ngoài biển lớn, dầu đức vua trốn trong động thẳm hang sâu... thì đức vua cũng không trốn thoát khỏi nghiệp đã gieo, trốn thoát khỏi lưỡi hái của tử thần được! Rồi đức Phật đọc lên câu kệ ngôn: "- Trốn vào động thẳm hang sâu 34 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Ẩn trong núi vắng, non đầu, trùng khơi Có đâu một chỗ trên đời Tử thần lại chẳng đến lôi kéo về!"(1) Và quả đúng như sự thấy biết của đức Chánh Đẳng Giác. Đến ngày thứ bảy, bên dưới tòa lầu, con ngựa quý có tên là Hạnh Phúc của đức vua tự dưng nổi chứng bất kham, cứ hí vang lên rồi đá rầm rầm vào tường vách mà không ai khống chế được. Không cần hỏi, đức vua cũng biết rằng, chỉ có ông, thấy bóng của ông, nghe tiếng nói của ông, con ngựa mới thôi quậy, mới đứng yên. Nghĩ là sắp hết ngày thứ bảy rồi, đức vua yên trí sai lực sĩ mở các cửa lầu để ông xuống trị chứng con ngựa. Đến cầu thang thứ bảy, chợt đức vua sẩy chân, trôi tuột cả thân hình xuống dưới. Ngay khi ấy như có hiện tượng động đất, khoảng dưới chân cầu thang, đất nứt ra, hiện ra một lỗ

sâu thăm thẳm rồi nuốt đức vua vào trong lòng nó, vô tăm, vô tích. Mười bốn tên lực sĩ nhìn ngắm quả báo kinh khiếp xảy ra cho đức vua Sappabuddha ngay trước mắt, họ chỉ việc há hốc, đứng trân, sợ hãi quá không thốt được nên lời.

(1) Pháp cú 128: “Na antalikkhe na samuddamajjhe - na pabbatānaṃ vivaraṃ pavissa. Navijjati so jagatippadeso - yatthaṭṭhitaṃ nappasahetha maccūti”.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.